

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 111/2018/HS-ST.
Ngày: 02-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Võ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoài Đức Huệ.**

2. Ông **Mai Thanh Minh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Oanh**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông **Đình Tuấn Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 109/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXX-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1984, tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Nơi đăng ký thường trú: Không có nơi cư trú.

Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: không có; mẹ bà Trần Thị Tuyết N1, sinh năm 1966; có chồng là Nguyễn Hữu Lê Sỹ H, sinh năm 1991 (không có đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2018.

(Có mặt)

2. Trần Thị Tuyết N2, sinh năm 1966, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký thường trú: Không có nơi cư trú.

Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá K (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1931; bị cáo không có chồng và có 03 con lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2018.

(Có mặt)

+ *Bị hại*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt)

+ *Người làm chứng*: Cháu **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 2005.

Chỗ ở hiện nay: ấp A1, xã P1, huyện B1, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 07/6/2018, Trần Thị Tuyết N điều khiển xe mô tô biển số 60K2-5228 chở Trần Thị Tuyết N2 (mẹ ruột N), Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2005 (là con ruột của N2) và Nguyễn Hữu Hiền M, sinh năm 2013 là con ruột của N cùng ngụ tại ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Nai đến tiệm điện thoại Thanh Tiền của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 tại ấp A, xã P, huyện B để mua điện thoại. Khi đến nơi, N2 và T1 vào gặp anh T hỏi mua điện thoại trả góp còn N và M thì đứng chờ bên ngoài. Lúc này N thấy tủ đựng điện thoại không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại mang về nhà để sử dụng. N nói với M đi vào cửa hàng trộm cắp điện thoại, lợi dụng lúc anh T sơ hở không đề ý, M đã trộm cắp được 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung J4, màu vàng mang ra ngoài đưa cho N cất giấu. Sau đó, N nói cho N2 và T1 biết là M mới trộm cắp được 01 chiếc điện thoại. N2, T1 và N bàn bạc tiếp tục trộm cắp điện thoại, rồi N2 và T1 tiếp tục vào cửa hàng hỏi mua điện thoại nhằm mục đích làm cho anh T không chú ý, N cảnh giới bên ngoài và hướng dẫn cho M vào tiếp tục trộm cắp 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung J4, màu đen đưa cho N cất giấu. Sau đó, N, N2, T1 và M ra về. Đến ngày 19/6/2018, N2 và N đến Công an xã P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật vụ án gồm: 02 chiếc điện thoại hiệu Samsung J4, 01 xe mô tô biển số 60K2-5228.

Tại kết luận định giá tài sản số 120/KLĐG-HĐĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Nhơn Trạch xác định 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung J4 Gold và 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung J4 Black có tổng giá trị 7.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKS-NT ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Trần Thị Tuyết N, Trần Thị Tuyết N2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết N từ 10 tháng đến 12 tháng tù và Trần Thị Tuyết N2 từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo Trần Thị Tuyết N, Trần Thị Tuyết N2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội, căn cứ kết luận định giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị là 7.600.000 đồng, trên mức định lượng tối thiểu 2.000.000 đồng được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, muốn có tiền thoải sử dụng nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật và hành động phạm tội. Do đó các bị cáo phải

chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội không có tổ chức, vai trò của bị cáo N là kẻ chủ mưu, đề xuất và thực hiện hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản của bị hại, còn bị cáo N2 với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo N thực hiện trót lọt hành vi phạm tội bằng cách vào tiệm điện thoại giả vờ hỏi mua điện thoại, làm cho bị hại mất cảnh giác để bị cáo N và M thực hiện chiếm đoạt tài sản. Vì vậy cần xét xử các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Trần Thị Tuyết N, Trần Thị Tuyết N2 đã có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa hôm nay, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại và chưa gây thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với Nguyễn Thị Thu T1 và Nguyễn Hữu Hiền M có hành vi trộm cắp tài sản nhưng Thủy và Minh chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch không khởi tố xử lý là đúng quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và tại phiên tòa bị hại không yêu bồi thường gì nên không xem xét.

+ Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 60K2-5228 do anh Lưu Văn L đứng tên nhưng chưa làm việc đối với anh L nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch tiếp tục tạm giữ, điều tra xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[5] Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ.HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Trần Thị Tuyết N, Trần Thị Tuyết N2** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Bị cáo **Trần Thị Tuyết N** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt 19/6/2018.

Bị cáo **Trần Thị Tuyết N2** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt 19/6/2018.

+ *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ.HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại ;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Toàn